

Số: /20.../NQ-HĐND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20...

DỰ THẢO 2

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ
cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ

Chí Minh; Báo cáo thẩm tra của.....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết.....

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả, đồng bộ trên địa bàn Thành phố và đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa....., Kỳ họp thứ..... thông qua ngày..... tháng..... năm.....

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu QH;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Ban Thường trực UB MTTQ VN TP;
- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP: PCVP;
- VP Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Thủ trưởng các Sở, ban ngành Thành phố;
- Chủ tịch HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (.....).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/20.../NQ-HĐND
ngày ... tháng ... năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các quy định về nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, nội dung xây dựng mô hình trình diễn và các nội dung chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông, hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách Thành phố (nguồn kinh phí chi thường xuyên) đảm bảo cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng): Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi là Thông tư số 36/2018/TT-BTC).

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Thứ trưởng; Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các chức danh tương đương; giáo sư, phó giáo sư; chuyên gia cao cấp, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ; giảng viên cao cấp: Mức chi thù lao 2.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố; Giám đốc sở, Phó Giám đốc sở; Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư xã và các chức danh tương đương; giảng viên chính: Mức chi thù lao 1.700.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương thuộc Thành phố (ngoài 02 đối tượng trên): Mức chi thù lao 1.400.000 đồng/người/buổi.

d) Đối với giảng viên nước ngoài, các giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Mức chi thù lao theo mức tối đa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC .

đ) Trợ giảng (nếu có): Mức chi thù lao 600.000 đồng/người/buổi.

e) Hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Mức chi thù lao 600.000 đồng/người/buổi.

3. Phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-

BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị).

4. Chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

5. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác): Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) trong trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên; hỗ trợ 100% chi phí thuê chỗ ở theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC) trong trường hợp thuê chỗ ở cho học viên.

b) Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC); hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, đặc khu thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

7. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức tối đa được quy định tại Điều 6 Thông tư 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC); hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, đặc khu thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa 50% theo mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo mức tối đa được quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông: Hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

8. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

a) Đối với khảo sát, học tập trong nước: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC). Riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 5. Thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

2. Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập: Nội dung chi, mức hỗ trợ thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC). Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo áp dụng bằng mức chi tối đa được quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

5. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ theo quy định tại khoản 1 Điều này, chi hoạt động của Ban tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp.

7. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước.

Điều 6. Xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

2. Chi kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

3. Chi kinh phí thực hiện mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

4. Chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.

5. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Quy định này.

c) Chi hỗ trợ tiền nước uống: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC).

d) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu): Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 và khoản 3 Điều 5 Quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Điều 7. Tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Điều 8. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8

năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước.

Điều 9. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo mức tối đa được quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông gồm chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có): Mức chi thực hiện theo mức tối đa của định mức, chế độ tài chính hiện hành.

- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo mức tối đa của quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố theo quy định.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh